

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI**

Số: 1213/2016/UBTVQH13

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Xét đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Tờ trình số 32/TTr-MTTQ-BTT ngày 30 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 2.

1. Tòa án Nhân dân Tối cao, Bộ Quốc phòng, Hội đồng Nhân dân, Tòa án nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực; Đoàn Hội thẩm; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kim Ngân

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm (gồm Đoàn Hội thẩm nhân dân và Đoàn Hội thẩm quân nhân); mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm với Hội thẩm; mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm với cơ quan, tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân đối với Đoàn Hội thẩm; các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Đoàn Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm quân nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Đoàn Hội thẩm là hình thức tổ chức tự quản của các Hội thẩm, hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện), quân khu và tương đương (sau đây gọi là cấp quân khu), khu vực nơi có Tòa án quân sự khu vực.

2. Hội thẩm được bầu hoặc cử để thực hiện nhiệm vụ xét xử ở Tòa án nào thì tham gia sinh hoạt tại Đoàn Hội thẩm nơi có Tòa án đó.

Chương II ĐOÀN HỘI THẨM NHÂN DÂN

Điều 4. Tổ chức Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Đoàn Hội thẩm nhân dân bao gồm các Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại mỗi Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Số lượng thành viên của mỗi Đoàn Hội thẩm nhân dân được xác định căn cứ vào số lượng Thẩm phán tại mỗi Tòa án như sau:

Tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh: cứ 02 Thẩm phán thì có 03 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án nhân dân cấp tỉnh không dưới 20 người và tối đa không quá 100 người;

Tại Tòa án nhân dân cấp huyện: cứ 01 Thẩm phán thì có 02 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án nhân dân cấp huyện không dưới 15 người và tối đa không quá 50 người, trừ trường hợp đặc biệt có thể có dưới 15 người.

3. Đoàn Hội thẩm nhân dân có Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các Hội thẩm nhân dân là thành viên. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được bầu trong số Hội thẩm nhân dân.

4. Số lượng Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được xác định như sau:

Đoàn Hội thẩm nhân dân dưới 25 Hội thẩm có 01 Phó Trưởng đoàn; từ 25 Hội thẩm trở lên có không quá 02 Phó Trưởng đoàn.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền của Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Tổ chức để các Hội thẩm trao đổi kinh nghiệm xét xử, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm nhân dân.

2. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội thẩm.

3. Tham gia ý kiến với Tòa án nhân dân cùng cấp về hoạt động của Hội thẩm khi có yêu cầu.

4. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, kỷ luật Hội thẩm.

5. Phối hợp với Tòa án nhân dân cùng cấp trong việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm.

6. Tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu.

7. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi Hội thẩm công tác hoặc làm việc tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử.

8. Đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm gửi Tòa án nhân dân cùng cấp tổng hợp, lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Được cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương; các văn bản, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi cần thiết và gửi báo cáo đến Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp.

Điều 6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Hội thẩm nhân dân có uy tín, kinh nghiệm làm công tác xét xử và điều kiện về thời gian làm việc thì có thể được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

2. Thủ tục bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân:

a) Sau khi bầu Hội thẩm nhiệm kỳ mới, Thường trực Hội đồng Nhân dân chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị toàn thể Hội thẩm để bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Việc bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân do hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân quyết định, thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Người được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân là người được biểu quyết tán thành hoặc đạt được số phiếu bầu cao nhất cho mỗi chức danh và phải được trên 50% tổng số Hội thẩm nhân dân tín nhiệm, tán thành;

c) Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp công nhận kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

3. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân đương nhiên được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm khi được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác; có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được thực hiện như sau:

Khi Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn có đơn xin miễn nhiệm hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Đoàn Hội thẩm nhân dân hoặc Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập phiên họp toàn thể Hội thẩm nhân dân để xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân do hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân quyết định, thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm khi có trên 50% tổng số Hội thẩm nhân dân nhất trí tán thành.

Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp công nhận kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

5. Nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền của Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân có trách nhiệm và quyền sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Giữ mối liên hệ và đại diện cho Đoàn Hội thẩm nhân dân trong quan hệ với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

c) Trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp về việc phân công Hội thẩm nhân dân tham gia hoạt động xét xử, bảo đảm phù hợp với yêu cầu xét xử vụ án theo yêu cầu của Chánh án Tòa án nhân dân;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

đ) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Hội thẩm nhân dân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội thẩm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân giúp Trưởng đoàn thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn. Khi Trưởng đoàn vắng mặt thì ủy nhiệm cho một Phó Trưởng đoàn thực hiện công việc của Trưởng đoàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân

1. Thực hiện các hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân theo sự phân công của Trưởng đoàn. Thông báo kết quả việc thực hiện cho Trưởng đoàn biết. Giữ mối liên hệ thường xuyên với Đoàn Hội thẩm nhân dân thông qua Trưởng đoàn.

2. Kịp thời thông báo cho Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp, Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Khi có sự thay đổi vị trí, nơi công tác, làm việc hoặc nơi cư trú thì phải kịp thời thông báo với Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân và Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp. Trường hợp vì lý do khách quan, chính đáng mà không thể thực hiện được nhiệm vụ xét xử của Hội thẩm, thì phải thông báo ngay với Trưởng đoàn và Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp biết.

Điều 9. Mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp

1. Đoàn Hội thẩm nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân nơi Hội thẩm được bầu.

2. Định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu, Đoàn Hội thẩm nhân dân có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Chương III
ĐOÀN HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 10. Tổ chức Đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Đoàn Hội thẩm quân nhân bao gồm các Hội thẩm quân nhân được cử để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án quân sự cấp quân khu, tại Tòa án quân sự khu vực.

2. Số lượng thành viên của Đoàn Hội thẩm quân nhân được xác định căn cứ vào số lượng Thẩm phán tại mỗi Tòa án quân sự. Cứ 01 Thẩm phán thì có 02 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án quân sự không dưới 10 người và tối đa không quá 30 người.

3. Đoàn Hội thẩm quân nhân có Trưởng đoàn, 01 Phó Trưởng đoàn và các Hội thẩm quân nhân là thành viên.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của Đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Tổ chức để các Hội thẩm trao đổi kinh nghiệm xét xử, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm quân nhân.

2. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội thẩm.

3. Tham gia ý kiến với Tòa án quân sự cùng cấp về hoạt động của Hội thẩm khi có yêu cầu.

4. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, kỷ luật Hội thẩm.

5. Phối hợp với Tòa án quân sự cùng cấp trong việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm.

6. Tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu.

7. Kiến nghị với đơn vị nơi Hội thẩm công tác hoặc làm việc tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử.

8. Đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm gửi Tòa án quân sự cùng cấp tổng hợp, lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Được cung cấp các văn bản, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi cần thiết và gửi báo cáo đến Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự, Chánh án Tòa án quân sự cùng cấp.

Điều 12. Việc cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Hội thẩm quân nhân có uy tín, kinh nghiệm làm công tác xét xử thì có thể được cử làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

2. Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân trong số các Hội thẩm quân nhân theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự cùng cấp.

3. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân đương nhiên được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm khi được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân.

Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác; có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

Chánh án Tòa án quân sự đề nghị Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền của Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân có trách nhiệm và quyền sau đây:

- a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Đoàn Hội thẩm quân nhân;
- b) Giữ mối liên hệ và đại diện cho Đoàn Hội thẩm quân nhân trong quan hệ với Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương, thủ trưởng đơn vị nơi công tác của Hội thẩm, Tòa án quân sự cùng cấp, và các cơ quan, tổ chức có liên quan;
- c) Trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án quân sự cùng cấp về việc phân công Hội thẩm quân nhân tham gia hoạt động xét xử, bảo đảm phù hợp với yêu cầu xét xử vụ án theo yêu cầu của Chánh án Tòa án quân sự;
- d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác của Đoàn Hội thẩm quân nhân;
- đ) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Hội thẩm quân nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội thẩm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân giúp Trưởng đoàn thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn. Khi Trưởng đoàn vắng mặt thì ủy nhiệm cho một Phó Trưởng đoàn thực hiện công việc của Trưởng đoàn.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội thẩm quân nhân

1. Thực hiện các hoạt động của Đoàn Hội thẩm theo sự phân công của Trưởng đoàn. Thông báo kết quả việc thực hiện cho Trưởng đoàn biết. Giữ mối liên hệ thường xuyên với Đoàn Hội thẩm quân nhân thông qua Trưởng đoàn.

2. Kịp thời thông báo cho Chánh án Tòa án quân sự cùng cấp, Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Khi có sự thay đổi vị trí, nơi công tác, làm việc hoặc nơi cư trú thì phải kịp thời thông báo với Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân và Chánh án Tòa án quân sự cùng cấp. Trưởng hợp vì lý do khách quan, chính đáng mà không thể thực hiện được nhiệm vụ xét xử của Hội thẩm, thì phải thông báo ngay với Trưởng đoàn và Chánh án Tòa án quân sự cùng cấp biết.

Điều 15. Mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm quân nhân với cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương

1. Đoàn Hội thẩm quân nhân thường xuyên giữ mối liên hệ với cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương và Tòa án quân sự cùng cấp.

2. Định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu, Đoàn Hội thẩm quân nhân có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương về hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nơi có trụ sở của Tòa án nhân dân cùng cấp có trách nhiệm giám sát hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân.

Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 6 và Điểm a Khoản 1 Điều 18 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương

1. Hằng năm, Bộ Quốc phòng phối hợp với Tòa án Nhân dân Tối cao lập dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Đoàn Hội thẩm quân nhân trong dự toán kinh phí hoạt động của Tòa án quân sự, đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

2. Cơ quan chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự có trách nhiệm kiểm tra hoạt động, hỗ trợ phương tiện làm việc cho Đoàn Hội thẩm quân nhân.

Điều 18. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân

1. Trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Phối hợp với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Giữ mối liên hệ với Đoàn Hội thẩm nhân dân;

c) Xem xét, giải quyết các kiến nghị của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

d) Hằng năm, phối hợp với Đoàn Hội thẩm dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân, báo cáo với Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp trong dự toán kinh phí hoạt động của các Tòa án nhân dân, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

e) Bảo đảm các điều kiện hoạt động, bố trí phòng làm việc cho Đoàn Hội thẩm nhân dân; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án quân sự khu vực:

a) Đề nghị Chủ nhiệm chính trị quân khu, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân;

b) Giữ mối liên hệ với Đoàn Hội thẩm quân nhân;

c) Xem xét, giải quyết các kiến nghị của Đoàn Hội thẩm quân nhân;

d) Thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân;

đ) Hằng năm, phối hợp với Đoàn Hội thẩm quân nhân dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân, báo cáo với Bộ Quốc phòng trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật;

e) Bảo đảm các điều kiện hoạt động, bố trí phòng làm việc cho Đoàn Hội thẩm quân nhân, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Tòa án Nhân dân Tối cao:

Hằng năm, Tòa án Nhân dân Tối cao có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Đoàn Hội thẩm nhân dân trong tổng dự toán kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp, đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quyết định theo quy định của pháp luật và phân bổ kinh phí cho các Đoàn Hội thẩm nhân dân.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện

1. Phối hợp với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp trong việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

2. Phối hợp với Hội đồng Nhân dân cùng cấp giám sát hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn Hội thẩm hoạt động.

Chương V

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM

Điều 21. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm

1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm bao gồm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để thực hiện trách nhiệm và quyền của Đoàn Hội thẩm theo quy định tại Điều 5 và Điều 11 và phụ cấp hoạt động hằng tháng đối với Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí thành mục riêng trong kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự cùng cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Phụ cấp hoạt động của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm

1. Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được hưởng phụ cấp hoạt động hằng tháng bằng 40% mức lương cơ sở. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được hưởng phụ cấp hoạt động hằng tháng bằng 30% mức lương cơ sở.

2. Phụ cấp hoạt động của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân thực hiện theo quy định của pháp luật đối với quân nhân tại ngũ, công nhân quốc phòng phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.